

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 06 - 01 - 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung,
chía tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Yên

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh KhuY là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2021/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung*”.

Do bản hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 215/2021/HNGĐ-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2021/QĐXX-PT ngày 21 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy M, sinh năm 2000 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã K, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Ấp C, xã P, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Phạm Thế Y, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã K, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Anh Phạm Thế Y, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Thế Y sống chung với nhau từ năm 2018, hôn nhân tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Lạc, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 30/10/2018. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là tính tình không hợp, thường hay cãi nhau, anh Y có lần đánh đập chị. Ngoài ra, mẹ chồng thì khó khăn, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị về bên gia đình mẹ ruột sống đến nay hơn 04 tháng. Chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên xin ly hôn với anh Y.

- Về con chung: Có 01 người con tên Phạm Phương Dung, sinh ngày 01/4/2020. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Dung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ngày cưới gia đình bên chồng có cho chung 02 vợ chồng 10 chỉ vàng 24k và 02 chỉ vàng 18k. Gia đình chị M cho chung hai vợ chồng 14 chỉ vàng 24k và 02 chỉ vàng 18k. Hiện số vàng trên anh Y đang quản lý. Khi ly hôn chị yêu cầu được nhận lại số vàng bên gia đình chị cho là 14 chỉ vàng 24k và 02 chỉ vàng 18k.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Phạm Thế Y trình bày: Anh thống nhất trình bày của chị M, cụ thể:

- Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị M. Lý do, anh còn thương vợ thương con. Nếu chị M cho anh thời gian thì sẽ hàn gắn lại với chị M, vì hiện nay con còn rất nhỏ.

- Về con chung: Không đồng ý giao cháu Dung cho chị M trực tiếp nuôi. Vì cháu Dung từ nhỏ đến lớn sống chung với gia đình anh. Anh không đặc ra việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh thống nhất trình bày của chị M về tài sản chung trình bày trên. Hiện chị M quản lý 02 chỉ vàng 18k, anh đồng ý giao lại cho chị M 14 chỉ vàng 24k.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 215/2021/HNGĐ-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn T quyết định:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy M về việc ly hôn với anh Phạm Thế Y.

2. Về con chung: Chấp nhận việc chị Nguyễn Thị Thùy M yêu cầu nuôi con chung tên Phạm Phương Dung, sinh ngày 01/4/2020. Tiếp tục giao cháu Phạm Phương Dung, sinh ngày 01/4/2020 cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Thế Y không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Phạm Thế Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Phương Dung, sinh ngày 01/4/2020 mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 29/10/2021 cho đến khi cháu Phạm Phương Dung đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: Chia cho chị Nguyễn Thị Thùy M 14 chỉ vàng và 02 chỉ vàng 18k. Anh Phạm Thế Y được nhận 10 chỉ vàng 24k và 02 chỉ vàng 18k. Vàng 24k tại thời điểm xét xử có giá trên thị trường 5.220.000 đồng/chỉ. Vàng 18k có giá trên thị trường 3.680.000 đồng/chỉ.

Anh Phạm Thế Y đang quản lý số vàng trên. Buộc anh Phạm Thế Y giao lại cho chị M 14 chỉ vàng 24k.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuY về lãi suất chậm trả, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 05/11/2021 bị đơn anh Phạm Thế Y kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại khoản tiền cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn đồng ý với bản án sơ thẩm.

Bị đơn, Phạm Thế Y giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nếu chị M không nuôi con thì giao con cho anh Y nuôi và không đặt ra cấp dưỡng; chị M nuôi con anh không đồng ý cấp dưỡng vì hiện nay dịch bệnh không có thu nhập mà còn phải hoàn trả cho chị M 14 chỉ vàng 24k.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ Nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 215/2021/HNGĐ-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn T quyết định: Về hôn nhân, chị Nguyễn Thị Thùy M ly hôn với anh Phạm Thế Y; Về con chung, giao cho chị M trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Phương Dung, sinh ngày 01/4/2020; Về cấp dưỡng, buộc anh Phạm Thế Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Phương Dung mỗi tháng 1.000.000 đồng, tính từ ngày 29/10/2021 cho đến khi cháu Dung đủ 18 tuổi và quyết định về chia tài sản chung. Anh Y kháng cáo yêu cầu xem xét lại phần cấp dưỡng nuôi con.

[2] Xét nội dung kháng cáo của Phạm Thế Y về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con

Khoản 1 Điều 107 Luật hôn nhân và gia đình (viết tắt Luật HNGĐ) quy định: *Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con; nghĩa vụ này không thể chuyển giao cho người khác*; Bản án sơ thẩm giao con chung cho chị M nuôi, cho nên anh Y cấp dưỡng nuôi là phù hợp với quy định Điều 82 Luật HNGĐ: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”*. Về mức cấp dưỡng, Điều 116 Luật HNGĐ thể hiện: *Mức cấp dưỡng căn cứ vào khả năng thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng*. Xét thấy, trong điều kiện bình thường thì nhu cầu thiết yếu để đảm bảo cho một đứa trẻ với mức 1.000.000 đồng mà người cha cấp dưỡng thì sẽ gặp khó khăn cho cuộc sống của trẻ, án sơ thẩm buộc anh Y cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng để cùng với mẹ là chị M nuôi con là phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với thực tế. Do đó, không chấp nhận kháng cáo về xem xét mức cấp dưỡng.

[3] Từ nhận định, không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Thế Y về yêu cầu xem xét tiền cấp dưỡng nuôi con; Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 215/2021/HNGĐ-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn T.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa được chấp nhận.

[5] Án phí phúc thẩm anh Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Thế Y về yêu cầu xem xét tiền cấp dưỡng nuôi con; Giữ Nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 215/2021/HNGĐ-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 15, khoản 1 Điều 38, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107 và Điều 116; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

TuY xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy M về việc ly hôn với anh Phạm Thế Y.

2. Về con chung: Chấp nhận việc chị Nguyễn Thị Thùy M yêu cầu nuôi con chung tên Phạm Phương Dung, sinh ngày 01/4/2020. Tiếp tục giao cháu Phạm Phương Dung cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Y không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Phạm Thế Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Phương Dung, sinh ngày 01/4/2020 mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 29/10/2021 cho đến khi cháu Phạm Phương Dung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Thùy M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phạm Thế Y không thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng trên, anh Phạm Thế Y còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

4. Về tài sản chung: Chia cho chị Nguyễn Thị Thùy M 14 chỉ vàng 24k và 02 chỉ vàng 18k. Anh Phạm Thế Y được nhận 10 chỉ vàng 24k và 02 chỉ vàng 18k.

(Vàng 24k tại thời điểm xét xử có giá trên thị trường 5.220.000 đồng/chỉ. Vàng 18k có giá trên thị trường 3.680.000 đồng/chỉ).

Anh Y đang quản lý số vàng trên. Buộc anh Phạm Thế Y giao lại cho chị Nguyễn Thị Thùy M 14 chỉ vàng 24k (*Mười bốn chỉ vàng 24 kara*).

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng và án phí chia tài sản chung là 4.022.000 đồng, ngày 12/7/2021 chị M đã dự nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0005146 và 1.988.000 đồng theo biên lai thu số 0005147 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn T, nay được chuyển thu án phí. Chị M còn phải nộp tiếp 2.034.000 đồng (*Khi án có hiệu lực*); Anh Y phải chịu 2.978.000 đồng (*Hai triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng*) trên số vàng được nhận và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

6. Về án phí phúc thẩm: Anh Y phải phải chịu 300.000 đồng, anh Y đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0004124 ngày 05/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn T được chuyển thu án phí.

7. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn T;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hiền